ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18 /2019/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 209/2019/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại Tờ trình số 541/TTr-BCH ngày 29 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang được thực hiện như sau:

Việc xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang được thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 209/2019/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang xác định phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Số lượng, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang:

1. Biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI" được cắm tại 22 vị trí, gồm 22 biển báo thay thế để xác lập khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang (Phụ lục I kèm theo).

2. Biển báo "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI" được cắm tại 46 vị trí, gồm 20 biển báo thay thế và 26 biển báo cắm mới để xác lập phạm vi vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang (Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Quy cách, chất liệu xây dựng các loại biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý hoạt động trong vành đai biên giới:

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên, Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; hoạt động trong khu vực biên giới, vành đai biên giới theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên và Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành tổ chức thi hành cắm biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI", "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI" trên thực địa, đảm bảo đúng vị trí đã được xác định theo tọa độ quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này; thực hiện quản lý, sửa chữa hệ thống biển báo đã cắm trên toàn tuyến biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP và Thông tư số 43/2015/TT-BQP.

2. Các sở, ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên, Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành có trách nhiệm: Thực hiện nghiêm các quy định quản lý nhà nước về biên giới, hoạt động trong khu vực biên giới, vành đai biên giới; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới, mốc quốc giới; huy động Nhân dân thực hiện phong trào toàn dân tham gia xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; phòng, chống các hoạt động vi phạm chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền tỉnh Kiên Giang.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 1301/2001/QĐ-UB ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Nghị định số 34/2000/NĐ-CP

ngày 18/8/2000 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND xã, phường biên giới đất liền và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 9;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, BĐBP (2b). hvlu, (89b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phạm Vũ Hồng

PHỤ LỤC I
VỊ TRÍ BIỂN BÁO "KHU VỰC BIÊN GIỚI"
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)	XÁC ĐỊNH KHU VỰC BIÊN GIỚI			Ghi chú
		Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN 2000)	Địa danh	
1	Phường Mỹ Đức, thành phố Hà Tiên	03	49760-40130	Khu phố Xà Xía	Thay thế
			49382-42887	Khu phố Mỹ Lộ	Thay thế
			49457-43044	Khu phố Thạch Động	Thay thế
2	Phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	01	49338-44339	Khu phố 4	Thay thế
3	Xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	06	50010-58019	Ấp Trà Phô	Thay thế
			48600-56886	Ấp Trà Phô	Thay thế
			47412-55633	Ấp Trà Phô	Thay thế
			45338-53520	Ấp Rạch Gỗ	Thay thế
			49101-59653	Ấp Rạch Gỗ	Thay thế
			44358-52397	Ấp Rạch Gỗ	Thay thế
4	Xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành	05	51913-61821	Ấp Tràm Trỗi	Thay thế
			51083-63454	Ấp Tràm Trỗi	Thay thế
			51583-62900	Ấp Tràm Trỗi	Thay thế
			50800-64331	Ấp Vĩnh Lợi	Thay thế
			50250-65245	Ấp Vĩnh Lợi	Thay thế
5	Xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành	07	49995-66041	Ấp Mẹt Lung	Thay thế
			49490-66995	Ấp Mẹt Lung	Thay thế

STT	Xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)	XÁC ĐỊNH KHU VỰC BIÊN GIỚI			Ghi chú
		Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN 2000)	Địa danh	
			51050-67900	Ấp Mẹt Lung	Thay thế
			50490-68790	Ấp Mẹt Lung	Thay thế
			49890-69961	Ấp T4	Thay thế
			49050-71200	Ấp T4	Thay thế
			48800-72100	Ấp T4	Thay thế
Tổng cộng		**22**			

PHỤ LỤC II

VỊ TRÍ BIỂN BÁO "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2019/QĐ-UBND ngày 12 /9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)	XÁC ĐỊNH CHIỀU SÂU VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI VÀ VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI				Ghi chú
		Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN 2000)	Địa danh	Cách biên giới	
1	Phường Mỹ Đức, thành phố Hà Tiên	06	52455-40935	Khu phố Xà Xía	372m	Thay thế
			52646-42285	Khu phố Xà Xía	391m	Thay thế
			52718-42720	Khu phố Xà Xía	394m	Thay thế
			51516-43248	Khu phố Mỹ Lộ	395m	Thay thế
			49833-44584	Khu phố Mỹ Lộ	397m	Thay thế
			51624-39186	Khu phố Thạch Động	391m	Thay thế
2	Phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	05	52085-39893	Khu phố 4	364m	Thay thế
			50973-45789	Khu phố 4	183m	Thay thế
			52586-47092	Khu phố 5	400m	Cắm mới
			54096-47626	Khu phố 5	392m	Thay thế
			54640-48120	Khu phố 5	201m	Thay thế
3	Xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	04	54800-49475	Ấp Trà Phô	179m	Thay thế
			56125-51790	Ấp Trà Phô	372m	Thay thế
			55148-50286	Ấp Trà Phô	386m	Thay thế
			56668-51550	Ấp Trà Phô	398m	Thay thế
4	Xã Phú Lợi, huyện Giang Thành	04	59220-51945	Ấp Rạch Gỗ	389m	Thay thế
			60180-52220	Ấp Rạch Gỗ	154m	Thay thế
			60556-53862	Ấp Rạch Gỗ	392m	Thay thế
			60864-54885	Ấp Rạch Gỗ	378m	Thay thế
5	Xã Tân	04	62080-54756	Ấp Khánh Hoà	123m	Thay thế

STT	Xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)	XÁC ĐỊNH CHIỀU SÂU VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI VÀ VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI				Ghi chú
		Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN 2000)	Địa danh	Cách biên giới	
	Khánh Hoà, huyện Giang Thành		63297-54780	Ấp Khánh Hoà	265m	Thay thế
			65035-61576	Ấp Hoà Khánh	250m	Cắm mới
			64263-61414	Ấp Hoà Khánh	400m	Cắm mới
6	Xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành	13	64712-62214	Ấp Đồng Cừ	400m	Cắm mới
			64658-62098	Ấp Đồng Cừ	400m	Cắm mới
			64698-63607	Ấp Đồng Cừ	400m	Cắm mới
			64562-64618	Ấp Đồng Cừ	400m	Cắm mới
			64596-65072	Ấp Đồng Cừ	400m	Cắm mới
			64531-65817	Ấp Cống Cả	400m	Cắm mới
			64402-66549	Ấp Cống Cả	400m	Cắm mới
			64129-67193	Ấp Cống Cả	400m	Cắm mới
			64065-67814	Ấp Cống Cả	400m	Cắm mới
			63971-68417	Ấp Nha Sáp	400m	Cắm mới
			63892-68979	Ấp Nha Sáp	400m	Cắm mới
			63685-69291	Ấp Nha Sáp	400m	Cắm mới
			63537-69812	Ấp Nha Sáp	400m	Cắm mới
7	Xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành	10	63297-70106	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			63176-70902	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62894-71081	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62773-71704	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62619-72232	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62511-73024	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62498-72739	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62387-74102	Ấp Mới	400m	Cắm mới

STT	Xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)	XÁC ĐỊNH CHIỀU SÂU VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI VÀ VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI				Ghi chú
		Số lượng biển báo	Vị trí (tọa độ VN 2000)	Địa danh	Cách biên giới	
			62043-74890	Ấp Mới	400m	Cắm mới
			62594-75523	Ấp Mới	400m	Cắm mới
Tổng cộng		46				